

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo,  
nạo vét và kè mái kênh Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4  
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số  
15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về  
quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021  
về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh về dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung  
hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân  
sách cấp tỉnh năm 2021;*

*Thực hiện Thông báo số 644-TB/TU ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Ban  
Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nạo vét và kè mái kênh  
Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên;*

*Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nạo vét và kè mái  
kênh Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 517/BC-KTNS ngày  
26 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý  
kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh  
tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nạo vét và kè mái kênh  
Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên.

1. Tên dự án: cải tạo, nạo vét và kè mái kênh Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên.
2. Nhóm dự án: dự án nhóm B.

3. Cấp Quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.
4. Cấp Quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.
5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.
6. Địa điểm xây dựng: thị xã Mỹ Hào, huyện Yên Mỹ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 250.000 triệu đồng, trong đó:
  - Chi phí xây dựng: 209.927 triệu đồng.
  - Chi phí quản lý dự án, tư vấn, khác: 14.163 triệu đồng.
  - Chi giải phóng mặt bằng: 3.500 triệu đồng.
  - Chi phí dự phòng: 22.410 triệu đồng.
8. Nguồn vốn đầu tư: ngân sách tỉnh.
9. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022-2025.
10. Hình thức đầu tư của dự án: cải tạo, nạo vét.
11. Mục tiêu, quy mô dự án

11.1. Mục tiêu đầu tư: cải tạo, nạo vét và kè mái kênh Trần Thành Ngọ nhằm đảm bảo tiêu cho các khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, Khu công nghiệp Thăng Long II; đảm bảo nhiệm vụ tưới cho diện tích đất canh tác các phường Dị Sử, Phùng Chí Kiên của thị xã Mỹ Hào và một phần xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi.

#### 11.2. Quy mô đầu tư

a) Cải tạo, nạo vét và kè gia cố mái kênh Trần Thành Ngọ chiều dài khoảng 10,0 Km gồm 02 đoạn: đoạn I tiêu tự chảy có chiều dài khoảng  $L_1 = 8,0$  Km; đoạn II kết nối với trạm bơm Hưng Long tiêu động lực có chiều dài khoảng  $L_2 = 2,0$  Km.

- Đoạn kênh I có điểm đầu tuyến giáp với đường QL.39A, cuối tuyến tại cống Phần Hà trên bờ sông Bắc Hưng Hải bao gồm cải tạo các nội dung như sau:

+ Đoạn 1-2: chiều dài khoảng 766 m (phần cứng hóa bờ kênh phải đã nằm trong dự án khác, do đó không thực hiện).

Thực hiện cải tạo, nạo vét và kè gia cố hai bên mái kênh bằng đá hộc xây VXM.

+ Đoạn 2-2A: chiều dài khoảng 923 m (phần cứng hóa bờ kênh trái đã nằm trong dự án khác do đó không thực hiện; lòng kênh đoạn từ Km0+840 -Km0+932 và đoạn Km1+700-Km1+727 thuộc phạm vi đào hoàn trả mương của dự án khác do đó không thực hiện nạo vét).

Thực hiện cải tạo, nạo vét và kè gia cố hai bên mái kênh bằng đá hộc xây VXM; cứng hóa bờ kênh bên phải bằng BTXM với mặt cắt ngang  $B_{\text{hòn}} = (4\text{m} - 6\text{m})$ ;  $B_{\text{mặt}} = (3\text{m} - 5\text{m})$ ;  $B_{\text{lề đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0$  m.



+ Đoạn 2A-3: chiều dài khoảng 560 m (phần gia cố mái kênh trái và cứng hóa bờ kênh trái đã nằm trong dự án khác, do đó không thực hiện).

Thực hiện cải tạo, nạo vét và kè gia cố mái kênh phải bằng đá hộc xây VXM; cứng hóa bờ kênh bên phải bằng BTXM với mặt cắt ngang  $B_{\text{nền}} = (4\text{m} - 6\text{m})$ ;  $B_{\text{mặt}} = (3\text{m} - 5\text{m})$ ;  $B_{\text{lè đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0 \text{ m}$ .

+ Đoạn 3-4: chiều dài khoảng 1.370 m. Cải tạo, nạo vét và kè gia cố hai bên mái kênh bằng đá hộc xây VXM; cứng hóa bờ kênh hai bên bằng BTXM với mặt cắt ngang  $B_{\text{nền}} = (4\text{m} - 6\text{m})$ ;  $B_{\text{mặt}} = (3\text{m} - 5\text{m})$ ;  $B_{\text{lè đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0 \text{ m}$ .

+ Đoạn 4-5: chiều dài khoảng 510 m, hiện trạng còn tốt, không thực hiện đầu tư.

+ Đoạn 5-6-7: chiều dài khoảng 3.700 m. Cải tạo, nạo vét và kè gia cố hai bên mái kênh bằng đá hộc xây VXM; cứng hóa bờ kênh hai bên bằng BTXM với mặt cắt ngang  $B_{\text{nền}} = (4\text{m} - 6\text{m})$ ;  $B_{\text{mặt}} = (3\text{m} - 5\text{m})$ ;  $B_{\text{lè đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0 \text{ m}$ .

- Đoạn kênh II nối với trạm bơm Hưng Long để tiêu động lực bao gồm cải tạo các nội dung sau:

+ Đoạn 6 - (II-1): chiều dài khoảng 440 m. Cải tạo, nạo vét và kè gia cố hai bên mái kênh bằng đá hộc xây VXM; cứng hóa bờ kênh hai bên bằng BTXM với mặt cắt ngang  $B_{\text{nền}} = (4\text{m} - 6\text{m})$ ;  $B_{\text{mặt}} = (3\text{m} - 5\text{m})$ ;  $B_{\text{lè đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0 \text{ m}$ .

+ Đoạn (II-1) - (II-2): chiều dài khoảng 910 m. Cải tạo, nạo vét và kè gia cố hai bên mái kênh bằng đá hộc xây VXM; cứng hóa bờ kênh hai bên bằng BTXM với mặt cắt ngang  $B_{\text{nền}} = (4\text{m} - 6\text{m})$ ;  $B_{\text{mặt}} = (3\text{m} - 5\text{m})$ ;  $B_{\text{lè đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0 \text{ m}$ .

+ Đoạn (II-2) - (II-3): chiều dài khoảng 330 m. Cải tạo, nạo vét và kè gia cố hai bên mái kênh bằng đá hộc xây VXM; cứng hóa bờ kênh hai bên bằng BTXM với mặt cắt ngang  $B_{\text{nền}} = (4\text{m} - 6\text{m})$ ;  $B_{\text{mặt}} = (3\text{m} - 5\text{m})$ ;  $B_{\text{lè đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0 \text{ m}$ .

+ Đoạn (II-3) - 8: chiều dài khoảng 230 m. Cải tạo, nạo vét và kè gia cố hai bên mái kênh bằng đá hộc xây VXM; cứng hóa bờ kênh hai bên bằng BTXM với mặt cắt ngang  $B_{\text{nền}} = (4\text{m} - 6\text{m})$ ;  $B_{\text{mặt}} = (3\text{m} - 5\text{m})$ ;  $B_{\text{lè đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0 \text{ m}$ .

b) Kiên cố hóa tuyến kênh tưới N1, N2 trạm bơm Hưng Long với chiều dài khoảng 1,65 Km. Kênh hình chữ nhật bằng BTCT kích thước  $B \times H = (1,0 \times 1,6)\text{m}$ ; bố trí tấm đan BTCT tại một số vị trí có đường cắt ngang kênh.

c) Cải tạo, nâng cấp một số công trình trên kênh gồm: cầu, cống, hệ thống thu gom xử lý nước thải...)

- Cống điều tiết: xây dựng 02 cống điều tiết 2 cửa tại vị trí cống Phần Hà và cống tại vị trí đầu nối giữa kênh Trần Thành Ngọ và kênh nối ra trạm bơm Hưng Long.

- Cầu dân sinh: xây dựng 06 cầu dân sinh đã xuống cấp.

- Cầu máng: xây dựng 04 cầu máng.

- Cống tiêu trên bờ kênh: xây dựng lại khoảng 41 cống tiêu trên bờ kênh, có cửa điều tiết phía thượng lưu.

d) Cải tạo hệ thống thu gom nước thải.

đ) Cải tạo nâng cấp trạm bơm tưới, tiêu Phần Hà.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### 1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Căn cứ quy định của pháp luật chỉ đạo lập, phê duyệt dự án và quyết định đầu tư dự án theo quy định khi đã đảm bảo về nguồn vốn. Quá trình triển khai thực hiện dự án đúng theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan; đánh giá đúng hiện trạng công trình, xác định quy mô đầu tư phù hợp với nhu cầu thực tế và quy định; đảm bảo hướng tuyến giao thông phù hợp với quy hoạch được phê duyệt; đầu tư công trình đảm bảo quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật hiệu quả, an toàn, thích ứng với thiên tai, bảo vệ môi trường; đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, vận tải trong phạm vi dự án.

b) Cân đối bố trí vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ đối với dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công, tránh phát sinh nợ đọng và kéo dài thời gian thực hiện dự án. Định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, kỳ họp thứ Chín nhất trí thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.(trung)

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Toàn**